

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12- 8- 2022

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thoa

Bà Lê Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Liên - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Tuyết N - sinh năm 1981

Trú tại: Tổ 8, khu phố 9, phường B, thị xã B, tỉnh T(Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Dũng - sinh năm 1975

Trú tại: Tổ 5, khu phố 7, phường B, thị xã B, tỉnh T.

(Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2022 và bản tự khai nguyên đơn- chị Đinh Thị Tuyết N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu D kết hôn năm 2003. Tuy nhiên trong quá trình chung sống không hòa hợp nên năm 2013 vợ chồng đã ly hôn. Sau đó vì muốn tốt cho con cái nên vợ chồng đã quay lại với nhau và đăng ký kết hôn lại năm

2017 tại UBND phường B, thị xã B, tỉnh T. Song từ đó đến nay vợ chồng vẫn tiếp tục không hòa hợp. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế làm ăn khó khăn nên vợ chồng có nhiều khúc mắc về tài chính, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn làm ảnh hưởng đến đời sống tâm lý của chị và các con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu đầu tên là Nguyễn Thùy D(nữ), sinh ngày 23/8/2004, cháu thứ hai tên là Nguyễn Viết H(nam) sinh ngày 29/4/2011, cháu thứ ba tên là Nguyễn Trâm A(nữ) sinh ngày 04/10/2019. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Viết H và cháu Trâm A, giao cháu Nguyễn Thùy D cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D chu cấp về tài chính.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng đã thỏa thuận phân chia xong không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hữu D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 41/TB- TA ngày 27/6/2022 và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số:42/TB-TA ngày 01/7/2022 nhưng anh D không đến Tòa án làm việc, không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 23/6/2022 ông trưởng khu phố 7, phường B cung cấp: Chị Đinh Thị Tuyết N và anh Nguyễn Hữu D là vợ chồng hợp pháp, có hộ khẩu thường trú tại khu phố 7, phường B, thị xã B. Trước đây, anh chị sinh sống tại số nhà 21 đường Trần Hưng Đạo, tổ 5 khu phố 7, phường B. Tuy nhiên, thời gian gần đây chị N không sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Theo tìm hiểu ông được biết do mâu thuẫn vợ chồng nên chị N đã chuyển đi nơi khác ở. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, lối sống và kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Do vậy, ông cung cấp thông tin nêu trên để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đinh Thị Tuyết N vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh D và xin nuôi cháu Viết H và Trâm A không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, còn giao cháu Thùy D cho anh D nuôi dưỡng, anh Nguyễn Hữu D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và có nguyện vọng xin được nuôi cháu Thùy D và cháu Viết H. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228

Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hữu D.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228/ Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Tuyết N

- Về hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu D.

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thùy D(nữ), sinh ngày 23/8/2004 cho anh Nguyễn Hữu D nuôi dưỡng, giao 2 cháu Nguyễn Viết H(nam) sinh ngày 29/4/2011 và cháu Nguyễn Trâm A(nữ) sinh ngày 04/10/2019 cho chị Đinh Thị Tuyết N nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Đề nghị buộc chị Đinh Thị Tuyết N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến của đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị Đinh Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu D. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường B, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Tuyết N và anh Nguyễn Hữu D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã B, tỉnh T đây là hôn nhân

hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, kinh tế khó khăn nên vợ chồng có nhiều khúc mắc về tài chính, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N cương quyết xin ly hôn với anh D. Anh D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên nếu chị N cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N và anh D xử cho chị N được ly hôn với anh D là phù hợp.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu đầu tên là Nguyễn Thùy D (nữ), sinh ngày 23/8/2004, cháu thứ hai tên là Nguyễn Viết H (nam) sinh ngày 29/4/2011, cháu thứ ba tên là Nguyễn Trâm A (nữ) sinh ngày 04/10/2019. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Viết H và cháu Trâm A và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, giao cháu Nguyễn Thùy D cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D xin được nuôi dưỡng cháu Thùy D và cháu Viết H. HĐXX xét thấy cháu Thùy D hiện nay đã gần 18 tuổi cháu chuẩn bị bước vào đại học cũng cần có người nuôi dưỡng, chu cấp về tài chính để chi tiêu trang trải trong suốt quá trình học tập và cháu cũng có nguyện vọng xin ở với bố, còn cháu Viết H và cháu Trâm A đang còn nhỏ (chưa đủ 3 tuổi) cần có bàn tay chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ và cháu H có nguyện vọng xin ở với mẹ. Vì vậy giao cháu Thùy D cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, giao cháu H và cháu Trâm A cho chị N nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp

[2.3] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị Tuyết N phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B ngày 11/5/2022 theo biên lai thu số: AA/2021/ 0005125. Chị Đinh Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84/ Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Tuyết N

- Về hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu D.

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thùy D(Giới tính: nữ), sinh ngày 23/8/2004 cho anh Nguyễn Hữu D nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên, giao cháu Nguyễn Viết H(Giới tính: nam) sinh ngày 29/4/2011 và cháu Nguyễn Trâm A(Giới tính: nữ) sinh ngày 04/10/2019 cho chị Đinh Thị Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị Tuyết N phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B ngày 11/5/2022 theo biên lai thu số: AA/2021/ 0005125. Như vậy, chị Đinh Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

□n xử công khai sơ thẩm có mặt chị Đinh Thị Tuyết Nhung vắng mặt anh Nguyễn Hữu Dũng.

Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(12/8/2022), anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND thị xã B ;
- Đương sự;
- UBND phường B(ĐK 23/8/2017)
- Tòa án nhân dân tỉnh T
- THA Dân sự thị xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TỔNG THỊ HÀ

